

Số: /BC-UBND

Tam Nông, ngày tháng 5 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện các nhóm tiêu chí thuộc Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn huyện Tam Nông tháng 4/2024

Thực hiện Công văn số 43/UBND-HCC ngày 18/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ. Ủy ban nhân dân (UBND) huyện báo cáo kết quả thực hiện các nhóm tiêu chí thuộc Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính (TTHC), dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử (*gọi tắt là Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp*) trên địa bàn Huyện tháng 4/2024 như sau:

I. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP

1. Đối với huyện Tam Nông

Theo kết quả thực hiện Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên Cổng dịch vụ công quốc gia (*tại địa chỉ <https://quantri.dichvucong.gov.vn>*), tháng 4/2024 huyện Tam Nông **đạt 84,73/100 điểm (tốt)**, xếp hạng 04/12 huyện, thành phố.

- Chi tiết các tiêu chí và số điểm đạt được như sau:

Stt	Nhóm chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Tháng 4 năm 2024	
			Điểm	Tỷ lệ (%)
01	Công khai, minh bạch	18	14,2 (giảm 3,2)	78,6
02	Tiến độ, kết quả giải quyết	20	19,4 (tăng 0,1)	97,55
03	Dịch vụ công trực tuyến	12	7,1	76,5
04	Thanh toán trực tuyến	10	8,6 (giảm 0,2)	78,98
05	Mức độ hài lòng	18	18	100
06	Số hóa hồ sơ	22	17,6 (tăng 0,1)	79,8

2. Đối với UBND các xã, thị trấn

Điểm số cao nhất là **87,99/100** điểm, điểm thấp nhất là **77,6/100** điểm, trong đó có 11 xã, thị trấn xếp loại tốt, 01 xã xếp loại khá, cụ thể:

Stt	Tên đơn vị	Điểm tổng	Điểm từng nhóm tiêu chí					
			Công khai, minh bạch	Tiến độ giải quyết	Dịch vụ trực tuyến	Thanh toán trực tuyến	Mức độ hài lòng	Số hóa hồ sơ
01	Thị trấn Tràm Chim	87.99	18/18	18,9/20	7,5/12	8,9/10	18/18	16,7/22
02	Xã Phú Đức	87.34	17,1/18	20/20	6,8/12	8,5/10	18/18	16,9/22
03	Xã Phú Cường	86.81	16/18	20/20	6,8/12	8,8/10	18/18	17,2/22
04	Xã Phú Hiệp	86.77	18/18	18,5/20	7,5/12	8,4/10	18/18	16,3/22
05	Xã Phú Thọ	85.73	15,8/18	19/20	6,8/12	9,2/10	18/18	16,9/22
06	Xã Phú Thành B	84.01	13,6/18	19,1/20	6,8/12	8,8/10	18/18	17,7/22
07	Xã An Hòa	83.94	13,2/18	19,8/20	6,8/12	8,6/10	18/18	17,6/22
08	Xã Tân Công Sính	83.61	12/18	19,8/20	7,5/12	8,7/10	18/18	17,6/22
09	Xã Phú Thành A	83.59	13,3/18	19,7/20	7,5/12	8,9/10	18/18	16,2/22
10	Xã An Long	82.84	12,6/18	20/20	7,5/12	8,9/10	18/18	15,9/22
11	Xã Hòa Bình	81.46	11,3/18	19,9/20	6,8/12	8,7/10	18/18	16,8/22
12	Xã Phú Ninh	77.6	8,3/18	20/20	5,5/12	8,8/10	18/18	16,9/22

II. NHÓM CHỈ SỐ THÀNH PHẦN CỦA BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP

1. Chỉ số công khai, minh bạch

1.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ TTHC công bố đúng hạn.
- Tỷ lệ TTHC được cập nhật, công khai đúng hạn.
- Tỷ lệ TTHC được công khai có đầy đủ nội dung quy định về các bộ phận cấu thành.
- Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ về Cổng dịch vụ công quốc gia.

1.2. Kết quả đánh giá:

Stt	Nhóm chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Tháng 4 năm 2024	
			Điểm	Tỷ lệ (%)
01	Công khai, minh bạch	18	14,2 (giảm 3,2)	78,6

1.3. Nguyên nhân: Thực hiện đồng bộ hồ sơ TTHC lên Cổng dịch vụ công quốc gia chưa đầy đủ.

Stt	Tên đơn vị	HS đã đồng bộ	Tỷ lệ đã đồng bộ (%)	HS chưa đồng bộ	Tỷ lệ chưa đồng bộ (%)	Tiến độ hoàn thành (100%)
01	Xã Phú Thọ	302	87.79	42	12.21	Không
02	Thị trấn Tràm Chim	450			Dữ liệu đồng bộ số lượng hồ sơ chưa sát với thực tế triển khai	Không
03	Xã Phú Đức	253	95.11	13	4.89	Không
04	Xã Phú Ninh	172	46.36	199	53.64	Không
05	Xã Phú Hiệp	241			Dữ liệu đồng bộ số lượng hồ sơ chưa sát với thực tế triển khai	Không
06	Xã Hòa Bình	155	62.5	93	37.5	Không
07	Xã An Long	242	69.74	105	30.26	Không
08	Xã Phú Thành A	244	73.72	87	26.28	Không
09	Xã Phú Thành B	90	75.63	29	24.37	Không
10	Xã Phú Cường	412	88.98	51	11.02	Không
11	Xã Tân Công Sính	101	66.89	50	33.11	Không
12	Xã An Hòa	382	73.18	140	26.82	Không

2. Chỉ số tiến độ, kết quả giải quyết

2.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ hồ sơ xử lý trước hạn, đúng hạn.
- Thời gian giải quyết TTHC trung bình theo từng TTHC.

2.2. Kết quả đánh giá:

Stt	Nhóm chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Tháng 4 năm 2024	
			Điểm	Tỷ lệ (%)
01	Tiến độ, kết quả giải quyết	20	19,4 (tăng 0,1)	97,55

2.3. Nguyên nhân: Trong tháng, tổng số hồ sơ quá hạn thể hiện trên Cổng dịch vụ công quốc gia là **26 hồ sơ và 52 hồ sơ** đang xử lý quá hạn, cụ thể:

Stt	Tên đơn vị	Tổng HS xử lý	Hoàn thành đúng hạn	Hoàn thành quá hạn	Đang xử lý trong hạn	Đang xử lý quá hạn	Tỷ lệ đúng hạn (%)	Tiến độ hoàn
-----	------------	---------------	---------------------	--------------------	----------------------	--------------------	--------------------	--------------

								thành (100%)
01	Một cửa huyện	61	49	<u>1</u>	6	<u>5</u>	90.16	Không
02	Thị trấn Tràm Chim	471	432	<u>1</u>	13	<u>25</u>	94.48	Không
03	Xã Phú Hiệp	250	223	<u>3</u>	9	<u>15</u>	92.8	Không
04	Xã Phú Thành A	252	236	<u>0</u>	12	<u>4</u>	98.41	Không
05	Xã Tân Công Sính	108	102	<u>0</u>	5	<u>1</u>	99.07	Không
06	Xã An Hòa	391	378	<u>2</u>	10	<u>1</u>	99.23	Không
07	Xã Hòa Bình	164	154	<u>0</u>	9	<u>1</u>	99.39	Không
08	Xã Phú Thọ	315	283	<u>15</u>	17	<u>0</u>	95.24	Không
09	Xã Phú Đức	258	242	<u>0</u>	16	<u>0</u>	100	Xong
10	Xã Phú Thành B	95	89	<u>4</u>	2	<u>0</u>	95.79	Không
11	Xã An Long	251	240	<u>0</u>	11	<u>0</u>	100	Xong
12	Xã Phú Cường	420	414	<u>0</u>	6	<u>0</u>	100	Xong
13	Xã Phú Ninh	183	177	<u>0</u>	6	<u>0</u>	100	Xong

3. Chỉ số cung cấp dịch vụ công trực tuyến

3.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến.
- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ.
- Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ.

3.2. Kết quả đánh giá:

Stt	Nhóm chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Tháng 4 năm 2024	
			Điểm	Tỷ lệ (%)
01	Dịch vụ công trực tuyến	12	7,1	76,5

3.3. Nguyên nhân:

- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ chưa đạt chỉ tiêu được giao (90%), do một số TTHC có cung cấp trực tuyến nhưng người dân không có nhu cầu thực hiện.
- Thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến chưa đúng quy định.

Stt	Tên đơn vị	HS nộp DVCTT chưa đúng quy định	Tỷ lệ HS nộp DVCTT chưa đúng quy định (%)
01	Một cửa huyện	47	50
02	Thị trấn Tràm Chim	377	76.32
03	Xã Phú Hiệp	187	70.57
04	Xã Phú Thành A	225	76.01
05	Xã Tân Công Sính	88	76.52
06	Xã An Hoà	379	93.58
07	Xã Hoà Bình	149	84.66
08	Xã Phú Thọ	275	82.09
09	Xã Phú Đức	253	88.77
10	Xã Phú Thành B	90	92.78
11	Xã An Long	214	74.31
12	Xã Phú Cường	354	78.32
13	Xã Phú Ninh	160	82.9

4. Chỉ số thanh toán trực tuyến

4.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến.
- Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.
- Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến.

4.2. Kết quả đánh giá:

Stt	Nhóm chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Tháng 4 năm 2024	
			Điểm	Tỷ lệ (%)
01	Thanh toán trực tuyến	10	8,6 (giảm 0,2)	78,98

* Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến:

Stt	Tên đơn vị	Hồ sơ cần TTTT	Hồ sơ đã TTTT	Hồ sơ TT hình thức khác	Tỷ lệ đã TTTT (%)	Tỷ lệ TT hình thức khác (%)	Tiến độ HT (30%)
01	Một cửa huyện	83	48	35	57.83	42.17	Xong
02	Thị trấn Tràm Chim	621	320	301	51.53	48.47	Xong
03	Xã An Long	149	121	28	81.21	18.79	Xong

04	Xã Phú Thọ	226	198	28	87.61	12.39	Xong
05	Xã Tân Công Sính	83	73	10	87.95	12.05	Xong
06	Xã Phú Thành A	161	142	19	88.2	11.8	Xong
07	Xã Hòa Bình	128	115	13	89.84	10.16	Xong
08	Xã Phú Hiệp	139	127	12	91.37	8.63	Xong
09	Xã An Hòa	329	303	26	92.1	7.9	Xong
10	Xã Phú Ninh	192	178	14	92.71	7.29	Xong
11	Xã Phú Cường	331	307	24	92.75	7.25	Xong
12	Xã Phú Đức	121	116	5	95.87	4.13	Xong
13	Xã Phú Thành B	68	67	1	98.53	1.47	Xong

4.3. Nguyên nhân: Một số TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến nhưng chưa phát sinh hồ sơ.

5. Chỉ số về mức độ hài lòng

5.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị theo phân loại
- Tiến độ xử lý phản ánh, kiến nghị
- Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị
- Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC

5.2. Kết quả đánh giá:

Stt	Nhóm chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Tháng 4 năm 2024	
			Điểm	Tỷ lệ (%)
01	Mức độ hài lòng	18	18	100

5.3. Nguyên nhân: Không.

6. Chỉ số về số hóa hồ sơ

6.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử.
- Tỷ lệ hồ sơ TTHC thực hiện số hóa.
- Tỷ lệ hồ sơ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa.
- Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính.
- Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ tái sử dụng.
- Ứng dụng dữ liệu dân cư trong giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công.

6.2. Kết quả đánh giá:

Stt	Nhóm chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Tháng 4 năm 2024	
			Điểm	Tỷ lệ (%)
01	Số hóa hồ sơ	22	17,6 (tăng 0,1)	79,8

6.3. Nguyên nhân

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử chưa đạt chỉ tiêu 100% theo quy định.

STT	Tên đơn vị	Tổng số HS có kết quả	Tổng HS đã cấp kết quả điện tử	Tỷ lệ HS cấp kết quả điện tử	Tiến độ hoàn thành (100%)
01	Xã Phú Cường	398	368	92.46	Không
02	Xã Phú Đức	253	221	87.35	Không
03	Xã An Hoà	378	355	93.92	Không
04	Xã Hoà Bình	152	132	86.84	Không
05	Xã Phú Thọ	299	269	89.97	Không
06	Xã Phú Thành A	228	190	83.33	Không
07	Xã An Long	238	191	80.25	Không
08	Xã Phú Hiệp	237	215	90.72	Không
09	Xã Tân Công Sính	89	83	93.26	Không
10	Xã Phú Ninh	165	150	90.91	Không
11	Xã Phú Thành B	83	79	95.18	Không
12	Thị trấn Tràm Chim	441	399	90.48	Không
13	Huyện Tam Nông	2.443	2.283	93.45	Không

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC thực hiện số hóa chưa đạt chỉ tiêu 100% theo quy định.

STT	Tên đơn vị	Tổng số HS phải số hóa	Tổng HS TTHC thực hiện số hóa hồ sơ	Tỷ lệ HS TTHC thực hiện số hóa hồ sơ	Tiến độ hoàn thành (100%)
01	Xã Phú Cường	398	310	77.89	Không
02	Xã Phú Đức	253	221	87.35	Không
03	Xã An Hoà	378	352	93.12	Không
04	Xã Hoà Bình	152	128	84.21	Không

05	Xã Phú Thọ	299	242	80.94	Không
06	Xã Phú Thành A	228	172	75.44	Không
07	Xã An Long	230	165	71.74	Không
08	Xã Phú Hiệp	237	163	68.78	Không
09	Xã Tân Công Sính	89	72	80.9	Không
10	Xã Phú Ninh	165	139	84.24	Không
11	Xã Phú Thành B	83	79	95.18	Không
12	Thị trấn Tràm Chim	441	329	74.6	Không
13	Huyện Tam Nông	2.492	2.064	82.83	Không

- Chưa khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa.

STT	Tên đơn vị	Tổng số HS có khai thác, sử dụng lại	Tổng HS đã khai thác, sử dụng lại	Tỷ lệ HS đã khai thác, sử dụng lại	Tổng HS chưa khai thác, sử dụng lại	Tỷ lệ HS chưa khai thác, sử dụng lại (%)	Tiến độ đã khai thác, sử dụng lại (20%)
01	Xã Phú Cường	394	0	0	394	100	Không
02	Xã Phú Đức	247	0	0	247	100	Không
03	Xã An Hoà	352	0	0	352	100	Không
04	Xã Hoà Bình	143	0	0	143	100	Không
05	Xã Phú Thọ	294	0	0	294	100	Không
06	Xã Phú Thành A	219	0	0	219	100	Không
07	Xã An Long	194	0	0	194	100	Không
08	Xã Phú Hiệp	230	0	0	230	100	Không
09	Xã Tân Công Sính	86	0	0	86	100	Không
10	Xã Phú Ninh	159	0	0	159	100	Không
11	Xã Phú Thành B	79	0	0	79	100	Không
12	Thị trấn Tràm Chim	437	0	0	437	100	Không
13	Huyện Tam Nông	2.001	0	0	2.001	100	Không

III. KHÓ KHĂN VÀ HẠN CHẾ

1. Đồng bộ hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC lên Cổng dịch vụ công quốc gia chưa đạt 100% theo quy định.

2. Vẫn còn phát sinh hồ sơ quá hạn trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

3. Số lượng TTHC trực tuyến phát sinh hồ sơ chưa đạt yêu cầu.
4. Nhiều hồ sơ thực hiện nộp trực tuyến chưa đúng quy trình.
5. Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC chưa đạt tỷ lệ 100% theo quy định.

IV. GIẢI PHÁP NÂNG CAO CÁC CHỈ SỐ THÁNG TIẾP THEO

1. Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị, địa phương thường xuyên theo dõi, cập nhật tiến độ giải quyết hồ sơ TTHC để xử lý kịp thời, đúng quy trình và thời gian quy định, hạn chế mức thấp nhất phát sinh hồ sơ quá hạn, trễ hạn trên Hệ thống giải quyết TTHC tỉnh và trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

2. Tiếp tục tăng cường thực hiện các dịch vụ công trực tuyến và nghiêm túc thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đảm bảo 100% kết quả TTHC được cung cấp bản điện tử có giá trị pháp lý để tái sử dụng khi cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, công dân, doanh nghiệp có nhu cầu khai thác

3. Chỉ đạo các đơn vị, địa phương tích cực rà soát, xác định nguyên nhân dẫn đến hạn chế nêu trên, đề ra giải pháp khắc phục, thực hiện hiệu quả hơn trong thời gian tới; chủ động phối hợp hoặc kịp thời đề xuất, kiến nghị với cơ quan chức năng hướng dẫn, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện các dịch vụ công trực tuyến, nhất là việc đồng bộ, số hóa hồ sơ và thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến chưa đúng quy định như hiện nay.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn huyện Tam Nông tháng 4/2024./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Các Phòng chuyên môn thuộc Huyện
- UBND các xã, thị trấn;
- Lãnh đạo, CVNC Văn phòng;
- Trang Thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, NC_{Hiệu}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Thanh Nam